

Bản án số: 14/2024/KDTM-PT  
Ngày 05-12-2024  
V/v tranh chấp về hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đinh Duy Việt

*Các Thẩm phán:*

Ông Nguyễn Quang Kiên

Bà Đặng Hồ Diệp.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Thuý Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố H:** Bà Phạm Thị Mỹ Hằng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2024/TLPT-KDTM ngày 10 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 05/2024/KDTM-ST ngày 28 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện A, thành phố H bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 11/2024/QĐPT-KDTM ngày 08 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 19/2024/QĐ-PT ngày 26 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại Cổ phần K; địa chỉ trụ sở: Số 40-42-44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố R, tỉnh G;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đoàn Minh Thắng – Chuyên viên xử lý nợ khu vực, phòng xử lý nợ (Văn bản ủy quyền số 676/QĐ-NHKL ngày 13/3/2024 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần K), vắng mặt.

**- Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn T; nơi cư trú: Khu Xuân Áng, thị trấn Trường Sơn, huyện A, thành phố H, vắng mặt.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Nguyễn T; nơi cư trú tại: Khu Xuân Áng, thị trấn Trường Sơn, huyện A, thành phố H, vắng mặt.

2. Chị Nguyễn M; nơi cư trú tại: Khu Xuân Áng, thị trấn Trường Sơn, huyện A, thành phố H, vắng mặt.

3. Chị Nguyễn T; nơi cư trú: Thôn Đại Hoàng 3, xã Tân Dân, huyện A, thành phố H, vắng mặt.

4. Anh Nguyễn Văn T; nơi cư trú: Khu Xuân Áng, thị trấn Trường Sơn, huyện A, thành phố H, vắng mặt.

Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố H.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 12 năm 2023 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện A, người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn trình bày:

Ngày 13 tháng 01 năm 2021, Ngân hàng Thương mại Cổ phần K với anh Nguyễn Văn T kí kết hợp đồng tín dụng số: 028/20/HĐHM/1404-12158 và Hợp đồng hạn mức tín dụng sửa đổi, bổ sung số: 028/20/HĐHM/1404-12158-01 để vay số tiền 230.000.000 đồng. Theo đó, Ngân hàng Thương mại Cổ phần K với anh Nguyễn Văn T đã kí kết hợp đồng tín dụng từng lần số: 029/22/HĐTD/1404-12158, ngày 14/01/2022 và giải ngân theo Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 029.1/KUNN ngày 15/01/2022. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh, thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày 16/01/2022 đến ngày 15/01/2023, lãi suất vay 11,1%/năm, áp dụng đối với các khế ước nhận nợ giải ngân trong vòng 3 tháng kể từ ngày kí hợp đồng tín dụng từng lần số: 029/22/HĐTD/1404-12158, ngày 14/01/2022 các khế ước nhận nợ giải ngân sau thời gian này, lãi suất cho vay được điều chỉnh 03 tháng 1 lần và được tính bằng lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng, lãnh lãi cuối kì của biểu lãi suất huy động khách hàng cá nhân tại thời điểm thay đổi lãi suất cộng (+) biên độ 3,8%/năm. Lãi suất ngày sau khi điều chỉnh không được thấp hơn lãi suất vay tối thiểu hiện hành của biểu lãi suất cho vay tại thời điểm điều chỉnh (cùng loại và hình thức vay). Lãi suất được cố định trong 03 tháng kể từ ngày giải ngân theo từng khế ước nhận nợ. Lãi suất quá hạn (=) 150% lãi suất vay tại thời điểm nợ quá hạn. Lãi chậm trả = 10%/năm. Cách tính lãi tiền vay: Cách tính lãi tiền vay căn cứ tại các Điều khoản của Hợp đồng tín dụng từng lần số 029/22/HĐTD/1404-12158, ngày 14/01/2022.

Để đảm bảo cho khoản vay, Ngân hàng Thương mại Cổ phần K với ông Nguyễn Văn Ngoan, bà Nguyễn T (là bố mẹ đẻ anh Nguyễn Văn T) đã giao kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 028/20/HĐTC-BĐS/1404-12158 ngày 13/01/2021. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 028/20/HĐTC-BĐS/1404-12158 ngày 13/01/2021 số công chứng 222.PNT/21.TCTS, quyền số 01.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 13/01/2021 của văn phòng công chứng Nguyễn Thị Khuê, thành phố H và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất sửa đổi, bổ sung số:

028/20/HĐTC-BĐS/1404-12158-01 ngày 14/01/2022 có số công chứng 444.PNT/22.TCTS, quyền số 01.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 14/01/2022 của văn phòng công chứng Nguyễn Thị Khuê, thành phố H đối với tài sản cụ thể như sau: Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 321B, tờ bản đồ số 222-A-I; địa chỉ: Khu Xuân Áng, thị trấn Trường Sơn, huyện A, thành phố H; theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AO 578715; số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 1103/AL do UBND huyện A, thành phố H cấp ngày 09 tháng 12 năm 2009 cho bà Nguyễn T.

Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng Thương mại Cổ phần K đã giải ngân cho anh T như sau: Giải ngân 230.000.000đ (hai trăm ba mươi triệu đồng) theo khế ước nhận nợ số 029.1/KUNN ngày 15/01/2022. Quá trình vay nợ, anh T đã trả được nợ gốc: 0đ, nợ lãi trong hạn: 22.519.806đ, nợ lãi chậm trả lãi 95.228đ. Từ ngày 25 tháng 11 năm 2022, anh T không thực hiện việc trả nợ theo hợp đồng tín dụng nêu trên. Tính đến ngày 28 tháng 8 năm 2024, anh T còn nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần K các khoản nợ gốc, lãi như sau: Nợ gốc 230.000.000đ, nợ lãi trong hạn 4.013.120đ, nợ lãi quá hạn 71.670.489đ, nợ lãi chậm trả lãi 674.029đ, tổng cộng: 306.357.637đ. Ngân hàng Thương mại Cổ phần K nhiều lần đôn đốc anh T trả nợ nhưng không có kết quả. Vì vậy, Ngân hàng Thương mại Cổ phần K khởi kiện đề nghị tòa án giải quyết buộc anh Nguyễn Văn T phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần K các khoản nợ nêu trên. Trường hợp anh T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần K đề nghị được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến giải quyết vụ án theo đơn khởi kiện của Ngân hàng, nhưng đều vắng mặt không có lý do, không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần K.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn T, chị Nguyễn M, chị Nguyễn T thống nhất có ý kiến: Bà Hiệu, chị Minh, chị Tân xác nhận anh Nguyễn Văn T có vay nợ như Ngân hàng Thương mại Cổ phần K trình bày là đúng. Bà Hiệu xác nhận bà và ông Nguyễn Văn Ngoan có kí kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 028/20/HĐTC-BĐS/1404-12158 ngày 13/01/2021 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần K để đảm bảo cho khoản vay của anh Nguyễn Văn T là đúng. Bà Hiệu, chị Minh, chị Tân đều nhất trí nếu anh T không trả được nợ cho ngân hàng thì bà Hiệu, chị Minh, chị Tân đồng ý để ngân hàng phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Với nội dung trên, Bản án sơ thẩm số 05/2024/KDTM-ST, ngày 28/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện A, thành phố H đã căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 74; Điều 274, khoản 1 Điều 275, Điều 280, 299, 317, 318, 323, 463, điểm b khoản 5 điều 466, khoản 2

điều 470; khoản 1 Điều 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91; Điều 93; Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng; khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần K:

1. Buộc anh Nguyễn Văn T phải trả Ngân hàng Thương mại Cổ phần K số tiền tính đến ngày 28 tháng 8 năm 2024 tổng cộng là 306.357.637đ (ba trăm lẻ sáu triệu ba trăm năm mươi bảy nghìn sáu trăm ba mươi bảy đồng); trong đó: Nợ gốc 230.000.000đ (hai trăm ba mươi triệu đồng), nợ lãi trong hạn 4.013.120đ (bốn triệu không trăm mười ba nghìn một trăm hai mươi đồng), nợ lãi quá hạn 71.670.489đ (bảy mươi một triệu sáu trăm bảy mươi nghìn bốn trăm tám mươi chín đồng), nợ lãi chậm trả lãi 674.029đ (sáu trăm bảy mươi bốn nghìn không trăm hai mươi chín đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên bản án sơ thẩm, người phải thi hành án còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi đối với khoản nợ gốc theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số: 028/20/HĐHM/1404-12158 và Hợp đồng hạn mức tín dụng sửa đổi, bổ sung số: 028/20/HĐHM/1404-12158-01 và hợp đồng tín dụng từng lần số: 029/22/HĐTD/1404-12158, ngày 14/01/2022, giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần K với anh Nguyễn Văn T cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Trường hợp anh Nguyễn Văn T không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần K có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản đã thế chấp là: Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 321B, tờ bản đồ số 222-A-I; địa chỉ: Khu Xuân Áng, thị trấn Trường Sơn, Huyện A, TP H; theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AO 578715; số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 1103/AL do UBND huyện A, thành phố H cấp ngày 09 tháng 12 năm 2009 cho bà Nguyễn T.

Nếu phát mại tài sản thế chấp mà không đủ trả hết nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần K thì anh Nguyễn Văn T, bà Nguyễn T, chị Nguyễn M, chị Nguyễn T phải tiếp tục trả nợ số tiền gốc và lãi còn lại theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

2. Về án phí và chi phí tố tụng khác:

Anh Nguyễn Văn T phải chịu 15.317.000đ (mười lăm triệu ba trăm mười bảy nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần K số tiền tạm ứng án phí 6.868.000đ (sáu triệu tám trăm sáu mươi tám nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện A theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0007356, ngày 05 tháng 4 năm 2024.

Buộc anh Nguyễn Văn T phải trả Ngân hàng Thương mại Cổ phần K toàn bộ chi phí xem xét thẩm định là 4.160.000đ (Bốn triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng)

Ngoài ra, bản án còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 23/9/2024 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố H ban hành Quyết định số 11/QĐKNPT-VKS-KDTM, ngày 23/9/2024 kháng nghị Bản án sơ thẩm số 05/2024/KDTM-ST ngày 28/8/2024 của Toà án nhân dân huyện A, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng:

Không buộc bà Nguyễn T và các chị Nguyễn M, Nguyễn T phải tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng cùng với anh Nguyễn Văn T nếu số tiền từ việc phát mại tài sản thế chấp mà không đủ trả hết nợ cho Ngân hàng.

Buộc bị đơn anh Nguyễn Văn T phải thanh toán số tiền lãi với đối với khoản nợ còn phải thi hành án kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên Bản án sơ thẩm.

Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố H vẫn giữ nguyên quyết định kháng nghị; người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn đồng ý với quyết định kháng nghị.

*Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:*

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án. Nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận Quyết định kháng nghị số 11/QĐKNPT-VKS-KDTM, ngày 23/9/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố H sửa Bản án sơ thẩm.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng tín dụng phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh với cá nhân có đăng ký kinh doanh, đều có mục đích lợi nhuận nên căn cứ khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền của Toà án. Tại thời điểm khởi kiện, bị đơn anh Nguyễn Văn T có nơi cư trú tại: Khu Xuân Áng, thị trấn Trường Sơn, huyện A, thành phố H, vì vậy, Toà án nhân dân huyện A thụ lý, giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về những người tham gia tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn T, chị Nguyễn M, chị Nguyễn T có cung cấp cho Toà án trích lục khai tử số 21/TLKT-BS ngày 11/5/2022 của ông

Nguyễn Văn Ngoan ghi thông tin, ông Ngoan chết ngày 11/5/2022. Toà án cấp sơ thẩm đã T hành xác minh làm rõ những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Ngoan theo quy định tại khoản 1 Điều 74, khoản 1 Điều 651 của Bộ luật Dân sự tham gia tố tụng. Theo bà Hiệu, chị Minh, chị Tân trình bày thì bà Hiệu và ông Ngoan chỉ có 03 người con là: Chị Nguyễn M, anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn T. Ngoài ra, ông Ngoan còn có một người vợ khác là bà Phùng Thị Mười (đã chết) và 02 người con là anh Nguyễn Văn Bình, chị Nguyễn Thị Ngân hiện đang sinh sống tại: Xã Vĩnh Lập, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Ngoài lời khai, bà Hiệu, chị Minh, chị Tân không có tài liệu hay thông tin gì về bà Phùng Thị Mười (đã chết) và 02 người con là anh Nguyễn Văn Bình, chị Nguyễn Thị Ngân. Bà Hiệu, chị Minh, chị Tân cũng chưa từng gặp những người này mà chỉ nghe có người trong họ hàng nhà ông Ngoan nói. Toà án cấp sơ thẩm đã đến xã Vĩnh Lập, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương xác minh nhưng không có thông tin về bà Phùng Thị Mười (đã chết) và 02 người con là anh Nguyễn Văn Bình, chị Nguyễn Thị Ngân. Do đó, với những chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ không có cơ sở để khẳng định ông Nguyễn Văn Ngoan có một người vợ khác là bà Phùng Thị Mười (đã chết) và 02 người con là anh Nguyễn Văn Bình, chị Nguyễn Thị Ngân. Như vậy, những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Ngoan theo quy định tại khoản 1 Điều 74, khoản 1 Điều 651 của Bộ luật Dân sự sự gồm: Bà Nguyễn T, chị Nguyễn M, chị Nguyễn T, anh Nguyễn Văn T. Nhưng tại Bản án sơ thẩm số 05/2024/KDTM-ST ngày 28/8/2024 Toà án cấp sơ thẩm vẫn xác định anh Nguyễn Văn Bình, chị Nguyễn Thị Ngân là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng không tuyên quyền và nghĩa vụ của những người này là chưa thực hiện đúng quy định khoản 1 Điều 74, khoản 1 Điều 651 của Bộ luật Dân sự. Tuy nhiên việc nay không ảnh hưởng tới quyền và nghĩa vụ của đương sự, nên chỉ cần rút kinh nghiệm đối với cấp sơ thẩm, không đưa anh Nguyễn Văn Bình, chị Nguyễn Thị Ngân vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Về sự có mặt của đương sự: Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện của nguyên đơn ông Đoàn Minh Thắng; bị đơn anh Nguyễn Văn T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn T, chị Nguyễn M, chị Nguyễn T, anh Nguyễn Văn T không phải là người kháng cáo nhưng có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc kháng nghị đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 mà vẫn vắng mặt, căn cứ vào khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử T hành xét xử vắng mặt ông Đoàn Minh Thắng, anh Nguyễn Văn T, bà Nguyễn T, chị Nguyễn M, chị Nguyễn T.

[3] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố H:

[3.1] Bản án tuyên: "Nếu phát mại tài sản thế chấp mà không đủ trả hết nợ cho Ngân hàng thì anh Nguyễn Văn T, bà Nguyễn T, chị Nguyễn M, chị Nguyễn T phải tiếp tục trả nợ số tiền gốc và lãi còn lại theo thoả thuận tại Hợp đồng tín dụng đến khi thanh toán xong các khoản nợ". Trong khi đó vợ chồng bà Nguyễn T, ông Nguyễn Văn Ngoan không phải là người vay tiền của Ngân hàng mà chỉ lấy tài sản của ông, bà thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của anh T còn các chị Minh, Tân

cũng không phải là người vay tiền của Ngân hàng mà chỉ là những người thừa kế quyền, nghĩa vụ của ông Ngoan liên quan đến tài sản thế chấp cho Ngân hàng (do ông Ngoan đã chết). Do đó, bà Hiệu và các chị Minh, chị Tân chỉ có trách nhiệm đảm bảo việc trả nợ cho Ngân hàng trong phạm vi giá trị của tài sản thế chấp mà không phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng ngoài phạm vi giá trị tài sản thế chấp. Theo khoản 3 Điều 307 của Bộ luật Dân sự, quy định: "*Trường hợp số tiền từ việc xử lý tài sản... thế chấp sau khi thanh toán chi phí ... xử lý tài sản... thế chấp nhỏ hơn giá trị nghĩa vụ được bảo đảm thì phần nghĩa vụ chưa được thanh toán được xác định là nghĩa vụ không có bảo đảm*". Vì vậy, bà Hiệu và chị Minh, chị Tân không có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng đối với phần nghĩa vụ vượt quá giá trị tài sản thế chấp.

[3.2] Bản án tuyên: "Kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên Bản án sơ thẩm, người phải thi hành án còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi đối với khoản nợ gốc theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng". Nhưng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Điều luật quy định: "Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015". Như vậy, việc Tòa án tuyên bị đơn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi đối với khoản nợ gốc là không đúng với hướng dẫn nêu trên.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét cấp phúc thẩm thấy Quyết định số 11/QĐKNPT-VKS-KDTM, ngày 23/9/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố H kháng nghị Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 05/2024/KDTM-ST, ngày 28/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện A, thành phố H là có căn cứ cần chấp nhận.

[5] Về án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng: Anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí phúc thẩm: Các đương sự không kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 148, 173, 175, 296, khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 74; Điều 274, khoản 1 Điều 275, Điều 280, 299, 317, 318, 323, 463, điểm b khoản 5 điều 466, khoản 2 điều 470; khoản 1 Điều 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 91; Điều 93; Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng;

Khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử: Sửa một phần bản án sơ thẩm.

1. Buộc anh Nguyễn Văn T phải trả Ngân hàng Thương mại Cổ phần K số tiền tính đến ngày 28 tháng 8 năm 2024 tổng cộng là 306.357.637đ (ba trăm lẻ sáu triệu ba trăm năm mươi bảy nghìn sáu trăm ba mươi bảy đồng); trong đó: Nợ gốc 230.000.000đ (hai trăm ba mươi triệu đồng), nợ lãi trong hạn 4.013.120đ (bốn triệu không trăm mười ba nghìn một trăm hai mươi đồng), nợ lãi quá hạn 71.670.489đ (bảy mươi một triệu sáu trăm bảy mươi nghìn bốn trăm tám mươi chín đồng), nợ lãi chậm trả lãi 674.029đ (sáu trăm bảy mươi bốn nghìn không trăm hai mươi chín đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên bản án sơ thẩm, người phải thi hành án còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi đối với khoản tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số: 028/20/HĐHM/1404-12158 và Hợp đồng hạn mức tín dụng sửa đổi, bổ sung số: 028/20/HĐHM/1404-12158-01 và hợp đồng tín dụng từng lần số: 029/22/HĐTD/1404-12158, ngày 14/01/2022, giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần K với anh Nguyễn Văn T cho đến khi thanh toán xong.

Trường hợp anh Nguyễn Văn T không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần K có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản đã thế chấp là: Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 321B, tờ bản đồ số 222-A-I; địa chỉ: Khu Xuân Áng, thị trấn Trường Sơn, huyện A, thành phố H; theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AO 578715; số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 1103/AL do UBND huyện A, thành phố H cấp ngày 09 tháng 12 năm 2009 cho bà Nguyễn T.

Nếu phát mại tài sản thế chấp mà không đủ trả hết nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần K thì anh Nguyễn Văn T phải tiếp tục trả nợ số tiền gốc và lãi còn lại theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

2. Về án phí và chi phí tố tụng khác:

Anh Nguyễn Văn T phải chịu 15.317.000đ (mười lăm triệu ba trăm mười bảy nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần K số tiền tạm ứng án phí 6.868.000đ (sáu triệu tám trăm sáu mươi tám nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi



hành án Dân sự huyện A theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0007356, ngày 05 tháng 4 năm 2024.

Buộc anh Nguyễn Văn T phải trả Ngân hàng Thương mại Cổ phần K toàn bộ chi phí xem xét thẩm định là 4.160.000đ (bốn triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Về quyền yêu cầu thi hành: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND thành phố H;
- Chi cục THADS huyện A;
- TAND huyện A;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đinh Duy Việt**

